Ký bởi: CỤC THUẾ
Địa chỉ: 1A Nguyễn Công Trứ, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Thời gian ký: 15.07.2026 10:16

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do –Hạnh phúc

Số: 4831 /CT-CS
V/v giới thiệu nội dung mới tại Nghị định số 254/2026/NĐ-CP và Thông tư số 91/2026/TT-BTC quy định về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2026

Kính gửi:
- Các Thuế tỉnh, thành phố;
- Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn;
- Chi cục Thuế thương mại điện tử.

Ngày 30/6/2026, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 254/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026).

Ngày 30/6/2026, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 91/2026/TT-BTC quy định một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 254/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.

Cục Thuế giới thiệu một số nội dung mới tại Nghị định số 254/2026/NĐ-CP, Thông tư số 91/2026/TT-BTC và đề nghị các đơn vị khẩn trương triển khai tuyên truyền, phổ biến các nội dung tại Nghị định số 254/2026/NĐ-CP, Thông tư số 91/2026/TT-BTC tới công chức thuế, người nộp thuế và chuẩn bị các điều kiện để đảm bảo thi hành. Trong đó, đối với người nộp thuế cần tập trung giới thiệu, tuyên truyền các nội dung tại Nghị định liên quan đến đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 2); thời điểm lập hóa đơn (Điều 9); nội dung hóa đơn (Điều 10); khen thưởng người tiêu dùng tố giác người bán không lập và giao hóa đơn (Điều 41); các nội dung tại Thông tư liên quan đến đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 6); các trường hợp ngừng, tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 8); xử lý hóa đơn điện tử đã lập (Điều 10); xử lý chứng từ điện tử đã lập (Điều 20).

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Cục Thuế thông báo để các Thuế tỉnh, thành phố, Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, Chi cục Thuế thương mại điện tử chủ động triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục trưởng Mai Xuân Thành (để b/c);
- Các Phó Cục trưởng (để p/h chỉ đạo);
- Các Ban thuộc CT (để thực hiện);
- Lưu: VT, CS (3).

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC THUẾ

Lê Long

330/CS

Phụ lục

GIỚI THIỆU MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 254/2026/NĐ-CP VÀ THÔNG TƯ SỐ 91/2026/TT-BTC

(Kèm theo công văn số 4831 /CT-CS ngày 15 /7/2026 của Cục Thuế)

A. Nghị định số 254/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2025

I. Kết cấu của Nghị định số 254/2026/NĐ-CP

Nghị định gồm **05** Chương, **45** Điều và **01** Phụ lục kèm theo Nghị định, cụ thể:

Chương I Quy định chung: (05 Điều, từ Điều 1 đến Điều 5);

Chương II Quy định đối với hóa đơn điện tử: (16 Điều, từ Điều 6 đến Điều 21);

Chương III Quy định về chứng từ điện tử: (09 Điều, từ Điều 22 đến Điều 30);

Chương IV Xây dựng, tra cứu thông tin hóa đơn, chứng từ (11 Điều, từ Điều 31 đến Điều 42);

Chương V Điều khoản thi hành (03 Điều, từ Điều 43 đến Điều 45);

Phụ lục Nội dung của hóa đơn.

II. Một số nội dung mới tại Nghị định số 254/2026/NĐ-CP

1. Nhóm các nội dung liên quan đến hóa đơn điện tử

1.1. Đối tượng áp dụng (Điều 2)

Bỏ đối tượng liên quan đến in, tự in hóa đơn, chứng từ do Luật Quản lý thuế chỉ quy định về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.

1.2. Giải thích từ ngữ (Điều 3)

Sửa đổi giải thích từ ngữ về hóa đơn, chứng từ hợp pháp và sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ tại khoản 5 và khoản 7 Nghị định số 254/2026/NĐ-CP, cụ thể:

"5. Hóa đơn, chứng từ hợp pháp là hóa đơn, chứng từ đảm bảo đúng về hình thức và nội dung theo quy định tại Nghị định này.

7. Sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ là việc sử dụng hóa đơn, chứng từ tẩy xóa, sửa chữa không đúng quy định; sử dụng hóa đơn, chứng từ khống (hoá đơn, chứng từ đã ghi các chỉ tiêu, nội dung nghiệp vụ kinh tế nhưng việc mua bán hàng hoá, dịch vụ không có thật một phần hoặc toàn bộ); sử dụng hóa đơn phản ánh không đúng giá trị thực tế phát sinh hoặc lập hóa đơn khống, lập hóa đơn giả; sử dụng hóa đơn có sự chênh lệch về giá trị hàng hóa, dịch vụ

hoặc sai lệch các tiêu thức bắt buộc giữa các liên của hóa đơn (đối với hóa đơn giấy đã phát hành, sử dụng trong giai đoạn trước khi chuyển sang hóa đơn điện tử);"

Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định:

"7. Hóa đơn, chứng từ hợp pháp là hóa đơn, chứng từ đảm bảo đúng, đầy đủ về hình thức và nội dung theo quy định tại Nghị định này.

9. Sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ là việc sử dụng: Hóa đơn, chứng từ không ghi đầy đủ các nội dung bắt buộc theo quy định; hóa đơn tẩy xóa, sửa chữa không đúng quy định; sử dụng hóa đơn, chứng từ khống (hoá đơn, chứng từ đã ghi các chỉ tiêu, nội dung nghiệp vụ kinh tế nhưng việc mua bán hàng hoá, dịch vụ không có thật một phần hoặc toàn bộ);"

1.3. Đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 6)

(i) Bổ sung đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế: Doanh nghiệp kinh doanh ở lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, tài sản mã hóa, dịch vụ hỗ trợ giao dịch trên sàn giao dịch các-bon;

(ii) Bổ sung quy định về đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền: Trường hợp tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã hoặc không có mã theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định này thì không bắt buộc đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền;

(iii) Bổ sung quy định về việc sử dụng hóa đơn đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, cụ thể:

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 01 tỷ đồng hoặc hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bán tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng thì phải áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế;

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử mà có nhu cầu sử dụng hóa đơn điện tử thì đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế.

(iv) Sửa đổi, bổ sung quy định về cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh:

- **Sửa đổi:** Tổ chức không kinh doanh nhưng có phát sinh giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo quy định của pháp luật thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác;

- **Bổ sung:** Cấp hóa đơn bán tài sản công có mã của cơ quan thuế trong trường hợp cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản công là người nộp thuế giá trị gia tăng bị cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn;

- **Bỏ:** quy định cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh đối với doanh nghiệp sau khi đã giải thể, phá sản, đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

(v) Bổ sung quy định sử dụng hóa đơn điện tử trong một số trường hợp cụ thể:

- Cơ sở nhận ủy thác xuất khẩu lập hóa đơn GTGT điện tử hoặc hóa đơn bán hàng điện tử để thu phí ủy thác của cơ sở có hàng hóa ủy thác;

- Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia doanh thu và có thỏa thuận cử một bên làm đại diện có trách nhiệm lập hóa đơn cho khách hàng thì các bên còn lại trong hợp đồng hợp tác kinh doanh lập hóa đơn cho bên đại diện phần doanh thu được chia cho từng bên theo hợp đồng;

- Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh theo phân chia chi phí và có thỏa thuận cử một bên làm đại diện có trách nhiệm nhận hóa đơn của người bán thì bên đại diện nhận hóa đơn lập hóa đơn để phân chia phần chi phí cho các bên còn lại theo hợp đồng.

1.4. Trường hợp không phải sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 7)

Bổ sung 01 Điều mới quy định các trường hợp không phải sử dụng hóa đơn điện tử bao gồm:

1. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bán hàng hóa, dịch vụ thuộc trường hợp lập bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ theo quy định pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp trừ trường hợp đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử.

2. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thu nhập từ hoạt động cho thuê bất động sản; thu nhập từ hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài.

3. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh làm đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, đại lý bán hàng đa cấp mà doanh nghiệp xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp đã khấu trừ thuế theo quy định pháp luật quản lý thuế.

4. Các khoản phí và các khoản thu khác phát sinh từ hoạt động tái bảo hiểm (bao gồm nhượng tái bảo hiểm, các khoản thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và các khoản thu khác về nhượng tái bảo hiểm), nhận tiền gửi, hoạt động tài chính (phát hành chứng chỉ tiền gửi, phát hành chứng khoán sơ cấp, phát hành giấy tờ có giá), bán nợ, giao dịch ngoại tệ và sản phẩm phái sinh.

Đối với giao dịch bán ngoại tệ, căn cứ hệ thống quản lý dữ liệu của đơn vị, cuối tháng đơn vị thực hiện lập bảng tổng hợp chi tiết giao dịch phát sinh trong tháng, chịu trách nhiệm về tính chính xác nội dung thông tin từng giao dịch và cung cấp bảng tổng hợp chi tiết giao dịch bán ngoại tệ khi cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

5. Góp vốn bằng tài sản của tổ chức, cá nhân kinh doanh vào tổ chức kinh tế.

6. Tài sản điều chuyển từ công ty mẹ đến các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và ngược lại, giữa các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc trong cơ sở kinh doanh; tài sản điều chuyển khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

7. Máy móc, thiết bị cho mượn là tài sản cố định và công cụ, dụng cụ phục vụ gia công hàng hóa của bên cho mượn, không thu tiền, không chuyển quyền sở hữu.

8. Các trường hợp theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT:

- Hàng hóa, dịch vụ tiếp tục quá trình sản xuất, kinh doanh;

- Hàng hóa, dịch vụ xuất hoặc cung cấp để sử dụng phục vụ sản xuất, kinh doanh;

- Các khoản thu không liên quan đến bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của cơ sở kinh doanh.

1.5. Thời điểm lập hóa đơn (Điều 9)

(i) Bổ sung quy định trường hợp khi *thu tiền đặt cọc theo quy định Bộ luật Dân sự để đảm bảo thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ* thì không phải lập hóa đơn;

(ii) Bổ sung thời điểm lập hóa đơn đối với một số trường hợp cụ thể (khoản 4):

- Một số dịch vụ phát sinh thường xuyên cần thời gian đối soát dữ liệu theo quy định tại điểm a các trường hợp lập hóa đơn chậm sau 07 ngày như: dịch vụ hoa tiêu hàng hải, dịch vụ quảng cáo trên các trang báo điện tử, dịch vụ công nghệ số, nền tảng số, dịch vụ công nghệ thông tin (bao gồm dịch vụ trung gian thanh toán sử dụng trên nền tảng viễn thông, công nghệ thông tin, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này); dịch vụ tài sản mã hóa, dịch vụ hỗ trợ giao dịch trên sàn giao dịch các-bon,dịch vụ bảo hiểm; dịch vụ bảo vệ, dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách (bằng xe taxi, xe hợp đồng, xe mô tô hai bánh

sử dụng phần mềm hỗ trợ kết nối vận tải theo pháp luật về đường bộ) cung cấp dịch vụ cho khách hàng là các doanh nghiệp, tổ chức.

- Tại điểm b khoản 4: *sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu cần đối soát dữ liệu* nhưng chậm nhất không quá 2 tháng kể từ tháng phát sinh.

- Bổ sung tại điểm o khoản 4: Đối với hợp đồng đồng bảo hiểm: Khi thu phí bảo hiểm, từng doanh nghiệp đồng bảo hiểm lập hóa đơn cho khách hàng theo phí bảo hiểm nhận được. Trường hợp ủy quyền cho một doanh nghiệp thu hộ phí bảo hiểm thì doanh nghiệp thu hộ thực hiện lập hóa đơn cho khách hàng trên toàn bộ giá trị hợp đồng và doanh nghiệp nhờ thu hộ lập hóa đơn cho doanh nghiệp thu hộ đối với phí bảo hiểm được hưởng theo thỏa thuận của các bên. Khi mua hàng hóa, dịch vụ để bồi thường hoặc thanh toán các khoản chi khác liên quan đến hợp đồng đồng bảo hiểm, trường hợp một doanh nghiệp bảo hiểm được ủy quyền chi hộ thì doanh nghiệp chi hộ thực hiện lập hóa đơn khi thu đòi các doanh nghiệp bảo hiểm nhờ chi hộ;

- Bổ sung điểm r về việc lập Bảng thông chi tiết giao dịch đối với một số dịch vụ cung cấp cho **cá nhân là người tiêu dùng**: dịch vụ ngân hàng; dịch vụ trung gian thanh toán; dịch vụ thông tin tín dụng; kinh doanh chứng khoán; giao dịch tài sản mã hóa; dịch vụ hỗ trợ giao dịch trên sàn giao dịch các-bon; kinh doanh bảo hiểm; dịch vụ chuyển tiền qua ví điện tử; dịch vụ ngừng, cấp điện trở lại; dịch vụ thương mại điện tử; dịch vụ bưu chính, vận chuyển trực tiếp phục vụ hoạt động thương mại điện tử; dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng tàu điện, xe buýt; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi, xe hợp đồng, xe mô tô hai bánh; dịch vụ trông giữ xe; hoạt động chiếu phim và các dịch vụ khác, đáp ứng điều kiện có hệ thống phần mềm quản lý chi tiết từng giao dịch, có dữ liệu thu tiền được lưu trữ trên hệ thống theo từng giao dịch thì cơ sở dữ liệu thông tin chi tiết giao dịch phát sinh của doanh nghiệp được chuyển đến cơ quan thuế theo Bảng thông tin chi tiết giao dịch theo mẫu số 01/TTGD Phụ lục III kèm theo Thông tư số 91/2026/TT-BTC.

(iii) Bổ sung quy định trường hợp người bán không có phần mềm lập hóa đơn tự động có phát sinh giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong giờ làm việc ban đêm theo quy định của Bộ luật Lao động, thời điểm lập hóa đơn chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo.

1.6. Nội dung hóa đơn (Điều 10 và Phụ lục kèm theo Nghị định)

(i) Bổ sung nội dung *"Tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán"*:

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử và sử dụng mã số thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh cho tất cả các cửa hàng thì phải thể hiện rõ **tên, mã**, địa chỉ địa điểm kinh doanh trên hóa

đơn; Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu thì phải thể hiện rõ mã, địa chỉ địa điểm kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp của từng địa điểm kinh doanh trên hóa đơn.

- Hóa đơn điện tử ủy nhiệm thì thể hiện tên, địa chỉ, mã số thuế của bên ủy nhiệm và tên, địa chỉ, mã số thuế của bên nhận ủy nhiệm.

- Bán đấu giá tài sản để thi hành án thì hóa đơn phải thể hiện tên, địa chỉ, mã số thuế của cơ quan được giao bán đấu giá tài sản và tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán.

(ii) Bổ sung nội dung *"Tên, địa chỉ, mã số thuế hoặc mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách hoặc số định danh cá nhân của người mua"*

- Trường hợp người mua là cơ sở kinh doanh (tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) có mã số thuế thì tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua thể hiện trên hóa đơn phải ghi theo đúng tại giấy chứng nhận;

- Người mua là người tiêu dùng cung cấp tên, địa chỉ, số định danh cá nhân thì trên hóa đơn phải thể hiện tên, địa chỉ, số định danh cá nhân (đối với người mua là người nước ngoài cung cấp thông tin để lập hóa đơn thì thông tin về địa chỉ, số định danh cá nhân có thể được thay thế bằng thông tin về số hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh và quốc tịch của khách hàng); **trường hợp người mua không cung cấp tên, địa chỉ, số định danh cá nhân thì trên hóa đơn thể hiện rõ "Bán cho người tiêu dùng"**

- Hóa đơn không có thông tin người mua hoặc hóa đơn xuất cho người tiêu dùng thì không có giá trị để tổ chức kinh tế, cơ quan, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng vào mục đích hạch toán chi phí hoặc quyết toán thuế theo quy định pháp luật về thuế.

(iii) Bổ sung nội dung *"Tên, đơn vị tính, số lượng, đơn giá hàng hóa, dịch vụ"*:

- Tên hàng hóa, dịch vụ: Trên hóa đơn phải thể hiện tên hàng hóa, dịch vụ **được giao dịch bằng tiếng Việt phù hợp với quy định pháp luật.**

- Trường hợp pháp luật có quy định về **định danh hàng hóa, dịch vụ** thì người bán thể hiện tên hàng hóa, dịch vụ trên hóa đơn theo quy định pháp luật về định danh hàng hóa, dịch vụ.

- Trường hợp người bán ô tô, xe máy lập hóa đơn điện tử có đủ các thông tin sau: Họ và tên người mua; số định danh cá nhân hoặc mã số thuế (đối với tổ chức); nhãn hiệu, loại xe, năm sản xuất; số khung, số máy; số Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với xe nhập khẩu) hoặc số Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với xe sản xuất, lắp ráp trong

nước) là căn cứ để cơ quan thuế xác định và thông báo số tiền lệ phí trước bạ phải nộp.

(iv) Sửa đổi quy định việc thể hiện biển kiểm số trên hóa đơn đối với dịch vụ vận tải đường bộ trong nước và đối với dịch vụ vận tải được thuê theo tuyến cố định thì không cần thể hiện biển số phương tiện, cụ thể:

Tại Phụ lục Nghị định số 254/2026/NĐ-CP quy định:

"Trường hợp kinh doanh dịch vụ vận tải đường bộ trong nước thì trên hoá đơn phải thể hiện biển số phương tiện vận tải, hành trình (điểm đi - điểm đến). Đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa trên nền tảng số, hoạt động thương mại điện tử thì phải thể hiện tên hàng hóa vận chuyển, thông tin tên, địa chỉ, mã số thuế hoặc số định danh cá nhân của người gửi hàng. ***Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vận tải, cho thuê xe có ký hợp đồng với đối tác theo tuyến cố định thì trên hóa đơn không cần thể hiện biển số phương tiện vận tải, hành trình (điểm đi - điểm đến).***"

Tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP quy định: "*Trường hợp kinh doanh dịch vụ vận tải thì trên hoá đơn phải thể hiện biển kiểm soát phương tiện vận tải, hành trình (điểm đi - điểm đến). Đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa trên nền tảng số, hoạt động thương mại điện tử thì phải thể hiện tên hàng hóa vận chuyển, thông tin tên, địa chỉ, mã số thuế hoặc số định danh người gửi hàng.*"

(v) Bổ sung quy định *"Chữ ký của người bán, chữ ký của người mua"*: Trường hợp là nhà cung cấp ở nước ngoài là chữ ký điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

(vi) Bổ sung quy định: Đối với hóa đơn bán hàng của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, **khuyến khích** người bán thể hiện thông tin nhóm ngành nghề tương ứng với hàng hóa, dịch vụ trên dữ liệu hóa đơn điện tử theo định dạng XML gửi cơ quan thuế. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế thì thể hiện tương ứng trên hóa đơn. Thông tin nhóm ngành nghề (nếu có) được hiển thị trên bản thể hiện hóa đơn điện tử.

1.7. Xử lý sự cố (Điều 14)

(i) Sửa đổi trường hợp sự cố từ hệ thống cấp mã của cơ quan thuế: Cục Thuế có trách nhiệm: kích hoạt hệ thống dự phòng để bảo đảm hoạt động cấp mã; thông báo công khai trên Trang thông tin điện tử của Cục Thuế, cụ thể:

Tại Nghị định số 254/2026/NĐ-CP quy định:

"Trường hợp hệ thống cấp mã hóa đơn điện tử của cơ quan thuế gặp sự cố kỹ thuật dẫn đến gián đoạn việc cấp mã, Cục Thuế có trách nhiệm: kích hoạt hệ thống dự phòng để bảo đảm hoạt động cấp mã; thông báo công khai trên

Trang thông tin điện tử của Cục Thuế về phạm vi ảnh hưởng, thời điểm bắt đầu và dự kiến thời gian khắc phục; trường hợp cần thiết, ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử đủ điều kiện thực hiện cấp mã theo quy định."

Tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định: "*Trường hợp trong thời gian chưa khắc phục được sự cố của cơ quan thuế thì cơ quan thuế có giải pháp bán hóa đơn do cơ quan thuế đặt in cho một số tổ chức, cá nhân để sử dụng. Sau khi hệ thống cấp mã của cơ quan thuế được khắc phục, cơ quan thuế thông báo để các tổ chức, cá nhân tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan thuế, tổ chức, cá nhân gửi báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn giấy đã mua của cơ quan thuế theo Mẫu số BC26/HĐG Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này.*"

(ii) Bổ sung quy định trong trường hợp bất khả kháng theo quy định tại khoản 21 Điều 4 Luật Quản lý thuế hoặc rủi ro không thuộc nguyên nhân, trách nhiệm chủ quan của người bán mà người bán hoặc cơ quan thuế không thể thực hiện việc lập, cấp mã hoặc truyền dữ liệu hóa đơn điện tử đúng hạn:

- Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày sự cố được khắc phục, người bán được thực hiện việc lập và gửi hóa đơn điện tử tới cơ quan thuế;

- Người bán có trách nhiệm ghi chép sổ sách kế toán về giao dịch mua bán, lưu giữ tài liệu chứng minh trường hợp bất khả kháng theo quy định;

- Việc lập, gửi hóa đơn, chuyển dữ liệu hóa đơn quá thời hạn do các nguyên nhân trên được xác định là trường hợp bất khả kháng theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

1.8. Trách nhiệm của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ (Điều 15, Điều 16)

(i) Trách nhiệm của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế (Điều 15)

- Bổ sung quy định chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đến cơ quan thuế cuối ngày.

(ii) Trách nhiệm của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế (Điều 16)

- Bổ sung quy định về phương thức chuyển cơ sở dữ liệu thông tin chi tiết giao dịch phát sinh theo Bảng thông tin chi tiết giao dịch theo quy định tại điểm r khoản 4 Điều 9 Nghị định này về một số dịch vụ cung cấp cho người tiêu dùng theo thời hạn nộp tài khai thuế GTGT.

1.9. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ (Điều 17)

Bổ sung quyền của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ được **yêu cầu chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số** trong việc cung cấp thông tin về người mua, thông tin giao dịch và thời điểm giao hàng và xác nhận trạng trái hoàn tất đơn hàng trên hệ thống để người bán lập hóa đơn điện tử theo quy định đối với trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ qua nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số.

1.10. Quyền và trách nhiệm của người mua hàng hóa, dịch vụ (Điều 18)

(i) Bổ sung quyền của người mua được tham gia các chương trình khuyến khích sử dụng hóa đơn do người bán là doanh nghiệp hoặc cơ quan thuế tổ chức;

(ii) Bổ sung hóa đơn do người mua yêu cầu và nhận từ người bán là cơ sở để xác định nghĩa vụ thuế của người bán đối với ngân sách nhà nước góp phần nâng cao tính minh bạch của nền kinh tế và hiệu quả quản lý thuế.

1.11. Trách nhiệm của tổ chức được ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử (Điều 19)

Bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức được ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử trong đó có **trách nhiệm của chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số trong việc cung cấp thông tin** về người mua, thông tin giao dịch và thời điểm giao hàng và xác nhận trạng trái hoàn tất đơn hàng trên hệ thống để người bán lập hóa đơn điện tử theo quy định đối với trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ qua nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số.

1.12. Trách nhiệm của cơ quan thuế (Điều 21)

(i) Bổ sung trách nhiệm cơ quan thuế quản lý trực tiếp *"d) Quản lý dữ liệu tem điện tử, thời hạn lưu trữ thực hiện theo quy định."*;

(ii) Bổ sung cơ quan thuế, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ có trách nhiệm thực hiện các biện pháp tuyên truyền, hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi để người tiêu dùng thực hiện quyền và trách nhiệm về hóa đơn.

2. Các nội dung sửa đổi, bổ sung về chứng từ điện tử

2.1. Thời điểm lập chứng từ (Điều 24)

Bổ sung trường hợp **không phải** lập chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân: Thu nhập của nhà đầu tư cá nhân từ chuyển nhượng chứng khoán, đầu tư vốn, chuyển nhượng tài sản số, chuyển nhượng vàng miếng, thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng, thừa kế, quà tặng trong trường hợp khoản thu nhập này đã được tổ chức chi trả hoặc tổ chức khấu trừ thuế thực hiện khấu trừ và nộp thuế thu nhập cá nhân tại nguồn.

2.2. Phương thức lập chứng từ điện tử (Điều 26)

Bổ sung 01 Điều mới: Phương thức lập chứng từ điện tử

- Chứng từ điện tử được lập trực tiếp trên hệ thống thông tin quản lý thuế hoặc thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hoặc trên phần mềm chứng từ điện tử của đơn vị;

- Việc lập chứng từ điện tử phải bảo đảm phản ánh đầy đủ, trung thực nội dung giao dịch phát sinh; đồng thời tuân thủ quy định của pháp luật về giao dịch điện tử, pháp luật về kế toán và pháp luật về thuế, phí và lệ phí, bảo đảm tính hợp pháp, minh bạch và khả năng kiểm soát trong quản lý nhà nước.

2.3 Kết nối chuyển dữ liệu chứng từ điện tử (Điều 27)

Bổ sung 01 Điều mới: Kết nối chuyển dữ liệu chứng từ điện tử

- Tổ chức thu thuế, phí, lệ phí, tổ chức có trách nhiệm khấu trừ thuế và tổ chức cung cấp dịch vụ chứng từ điện tử có trách nhiệm thực hiện kết nối, truyền và tiếp nhận dữ liệu chứng từ điện tử với cơ quan thuế thông qua hệ thống thông tin điện tử của cơ quan thuế hoặc qua hệ thống trung gian theo quy định;

- Việc kết nối, truyền và tiếp nhận dữ liệu chứng từ điện tử phải bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời, an toàn và bảo mật dữ liệu: a) An toàn thông tin, bảo mật dữ liệu theo quy định của pháp luật; b) Tính toàn vẹn, đầy đủ, chính xác của dữ liệu trong quá trình truyền, nhận và lưu trữ; c) Khả năng truy xuất, đối chiếu dữ liệu khi cơ quan quản lý thuế yêu cầu;

- Trường hợp hệ thống thông tin điện tử gặp sự cố kỹ thuật dẫn đến không thể kết nối, truyền dữ liệu đúng thời hạn, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thông báo kịp thời cho cơ quan thuế và thực hiện truyền dữ liệu trong vòng 03 ngày làm việc sau khi sự cố được khắc phục.

2.4. Trường hợp sử dụng được miễn phí dịch vụ chứng từ điện tử (Điều 28)

Bổ sung 02 nhóm đối tượng được miễn phí dịch vụ chứng từ điện tử gồm:

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có sử dụng dưới 10 người lao động và không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử;

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc trường hợp sử dụng miễn phí hóa đơn điện tử quy định tại Điều 11.

2.5. Về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng chứng từ điện tử (Điều 29)

Sửa đổi quy định chuyển dữ liệu biên lai điện tử theo Bảng tổng hợp dữ liệu thay vì báo cáo tình hình sử dụng biên lai, cụ thể:

- Tại Nghị định số 254/2026/NĐ-CP quy định:

"Tổ chức thu thuế, phí, lệ phí điện tử, tổ chức nhận ủy nhiệm lập biên lai sau khi lập đầy đủ các nội dung trên biên lai điện tử gửi cho người nộp các khoản thuế phí, lệ phí và gửi cho cơ quan thuế theo ***bảng tổng hợp dữ liệu biên lai điện tử*** *theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính* ***trong ngày*** *lập biên lai (trừ phí hải quan; lệ phí hàng hoá, hành lý, phương tiện vận tải quá cảnh) theo quy định của pháp luật về quản lý thuế."*

- Tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP quy định: *"Tổ chức thu thuế, phí, lệ phí gửi báo cáo tình hình sử dụng biên lai theo Mẫu số BC26/BLĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này để gửi cơ quan quản lý thuế cùng với thời gian gửi Tờ khai phí, lệ phí (trừ phí hải quan; lệ phí hàng hoá, hành lý, phương tiện vận tải quá cảnh) theo quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành."*

3. Các nội dung sửa đổi, bổ sung về xây dựng, tra cứu thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử

3.1. Đối tượng cung cấp thông tin, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử (Điều 36)

Bổ sung quy định bên sử dụng thông tin hóa đơn điện tử bao gồm: Các tổ chức được ủy quyền của tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật dân sự.

3.2. Hình thức khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử trên Hệ thống thông tin quản lý thuế (Điều 37)

(i) Bổ sung đối tượng sử dụng thông tin bao gồm bên nhận ủy nhiệm lập hóa đơn;

(ii) Bổ sung hình thức tra cứu thông tin bao gồm trường hợp sử dụng thông tin theo hình thức cung cấp dịch vụ truy vấn trực tiếp với Hệ thống thông tin quản lý thuế phải đảm bảo các tiêu chí như đối với tổ chức cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử.

4. Khen thưởng người tiêu dùng tố giác người bán không lập và giao hóa đơn điện tử (Điều 41)

(i) Bổ sung Điều mới được giao tại Luật Quản lý thuế nhằm tăng cường tính tuân thủ pháp luật về hóa đơn, nâng cao vai trò giám sát của xã hội và góp phần phòng, chống thất thu ngân sách nhà nước và giao Bộ Tài chính quy định mức khen thưởng, hình thức, trình tự, thủ tục khen thưởng, quản lý, sử dụng kinh phí.

(ii) Điều kiện người tiêu dùng được xem xét khen thưởng:

- Cung cấp thông tin trung thực, chính xác, kịp thời; có căn cứ xác định thời gian, địa điểm và người thực hiện hành vi vi phạm;

- Nội dung thông tin phản ánh đúng thực tế phát sinh, đủ cơ sở để cơ quan thuế xác định tính chất, mức độ vi phạm và thực hiện kiểm tra, xác minh;

- Trên cơ sở thông tin phản ánh, cung cấp, cơ quan thuế đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

5. Xử lý chuyển tiếp (Điều 44)

- Việc quản lý, sử dụng hóa đơn bán hàng dự trữ quốc gia khi bán hàng dự trữ quốc gia (hóa đơn bằng giấy) thực hiện theo quy định pháp luật về bán hàng dự trữ quốc gia. Trường hợp Bộ Tài chính có thông báo chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử bán hàng dự trữ quốc gia thì các đơn vị thực hiện chuyển đổi theo quy định. Khi chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng dự trữ quốc gia, hóa đơn bán hàng dự trữ quốc gia (hóa đơn bằng giấy) chưa sử dụng hết phải thực hiện tiêu hủy theo quy định tại Thông tư số 91/2026/TT-BTC;

- Biên lai giấy theo hình thức tự in, đặt in theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP chưa sử dụng hết được tiếp tục sử dụng cho đến hết ngày 31/12/2026. Từ ngày 01/01/2027, toàn bộ biên lai giấy chưa sử dụng phải thực hiện tiêu hủy theo trình tự, thủ tục tại Thông tư số 91/2026/TT-BTC. Tổ chức sử dụng biên lai giấy phải thực hiện chuyển đổi để áp dụng biên lai điện tử theo định dạng chuẩn dữ liệu;

- Kể từ ngày **01/7/2026, hóa đơn đặt in của cơ quan thuế hết giá trị sử dụng**. Cơ quan thuế, tổ chức kinh tế, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn đặt in của cơ quan thuế chưa sử dụng hết phải thực hiện tiêu hủy hóa đơn đặt in của cơ quan thuế theo trình tự, thủ tục tại Thông tư số 91/2026/TT-BTC.

B. Nội dung tại Thông tư số 91/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026

I. Kết cấu của Thông tư

Thông tư gồm **05** Chương, **25** Điều và **05** Phụ lục, cụ thể:

Chương I Quy định chung (02 Điều, từ Điều 1 và Điều 2);

Chương II Quy định đối với hóa đơn điện tử (14 Điều từ Điều 3 đến Điều 16);

Chương III - Quy định về chứng từ điện tử (04 Điều từ Điều 17 đến Điều 20);

Chương IV - Tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử (03 Điều từ Điều 21 đến Điều 23);

Chương V - Điều khoản thi hành (02 Điều, Điều 24 và Điều 25);

05 Phụ lục - Các phụ lục từ Phụ lục I đến Phụ lục IV có tính bắt buộc, Phụ lục V có tính chất tham khảo (không bắt buộc).

II. Một số nội dung mới tại Thông tư số 91/2026/TT-BTC

1. Đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 6)

(i) Sửa đổi quy định về trường hợp có thay đổi các thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử trừ trường hợp ngừng, tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử thì thực hiện sinh trắc học, cụ thể:

- Tại Thông tư số 91/2026/TT-BTC quy định:

*"a) Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện **thay đổi thông tin** theo Mẫu số 01/ĐKTĐ-HĐĐT Phụ lục III kèm theo Thông tư này qua Hệ thống thông tin quản lý thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử. Trình tự thủ tục thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;"*

- Tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP quy định: *"a) Trường hợp người nộp thuế thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử do thay đổi thông tin về người đại diện theo pháp luật; đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, thành viên góp vốn, chủ sở hữu thì trình tự thủ tục thực hiện theo quy định tại khoản 1a Điều này."*

(ii) Sửa đổi thời hạn từ **02 ngày lên 03 ngày làm việc** đối với người nộp thuế thực hiện giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu trong trường hợp cơ quan thuế ban hành thông báo yêu cầu giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu.

2. Tiêu chí xác định người nộp thuế có rủi ro cao trong đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 7)

Sửa đổi tiêu chí 3: Người nộp thuế đăng ký địa chỉ trụ sở chính không có địa chỉ cụ thể theo địa giới hành chính hoặc tại căn hộ chung cư (không bao gồm căn hộ hoặc phần diện tích của nhà chung cư được phép sử dụng cho mục đích kinh doanh theo quy định của pháp luật), trừ trường hợp cá nhân kinh doanh.

3. Các trường hợp ngừng, tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 8)

(i) Bổ sung trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã được cấp mã số thuế trước ngày 01/7/2025 nhưng thông tin đăng ký thuế của đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không khớp đúng với thông tin của cá nhân được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không đầy đủ thì cơ quan thuế yêu cầu hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh bổ sung thông tin trong thời hạn **10 ngày làm việc**. Sau thời hạn này, nếu hộ kinh doanh, cá nhân kinh

doanh chưa thực hiện, cơ quan thuế thực hiện tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;

(ii) Bổ sung trường hợp người nộp thuế đã giải trình hoặc bổ sung thông tin tài liệu theo Thông báo lần 2 mà không chứng minh được việc sử dụng hóa đơn điện tử theo đúng quy định pháp luật thì cơ quan thuế ban hành thông báo về việc ngừng sử dụng hóa đơn;

(iii) Bổ sung quy định cơ quan thuế gửi thông báo ngừng, tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử cho người nộp thuế và bên nhận ủy nhiệm lập hóa đơn trong trường hợp người nộp thuế thuộc trường hợp ngừng, tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử. Quy định này nhằm đảm bảo tổ chức nhận ủy nhiệm có cơ sở để ngừng lập hóa đơn thay người bán ngay tại thời điểm người bán bị ngừng sử dụng hóa đơn.

4. Ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử (Điều 9)

(i) Bổ sung quy định hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được ủy nhiệm cho bên thứ ba là tổ chức kinh tế để lập hóa đơn điện tử bao gồm cả tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử, hoặc tổ chức khác;

(ii) Bổ sung quy định hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm cung cấp thông tin cho bên nhận uỷ nhiệm, bao gồm: tên, địa chỉ, mã số thuế và thuộc đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 254/2026/NĐ-CP trong trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh ủy nhiệm cho tổ chức kinh tế lập hóa đơn điện tử;

(iii) Bổ sung quy định tổ chức kinh tế thực hiện thông báo **danh sách** hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh ủy nhiệm với cơ quan thuế theo Mẫu số 01/ĐKTĐ-HĐĐT Phụ lục III kèm theo Thông tư này.

5. Xử lý hóa đơn điện tử đã lập (Điều 10)

(i) Sửa đổi quy định trường hợp sai về các nội dung trên hóa đơn như tên, địa chỉ, **số tiền bằng chữ hoặc các nội dung khác nhưng không sai về: mã số thuế, số tiền ghi trên hóa đơn, thuế suất, tiền thuế hoặc hàng hóa ghi trên hóa đơn** thì người bán thông báo cho người mua về việc hóa đơn đã lập sai và **không phải lập lại hóa đơn**, cụ thể:

- Tại Thông tư số 91/2026/TT-BTC quy định:

*"a) Trường hợp sai về các nội dung trên hóa đơn như tên, địa chỉ, **số tiền bằng chữ hoặc các nội dung khác nhưng không sai về: mã số thuế, số tiền ghi trên hóa đơn, thuế suất, tiền thuế hoặc hàng hóa ghi trên hóa đơn** thì người bán thông báo cho người mua về việc hóa đơn đã lập sai và không phải lập lại hóa đơn. Người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế về hóa đơn điện tử đã lập sai theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục III kèm theo Thông tư này;"*

- **Tại Nghị định số 70/2025/NĐ-CP quy định:** *"Trường hợp có sai về tên, địa chỉ của người mua nhưng không sai mã số thuế, các nội dung khác không sai thì người bán thông báo cho người mua về việc hóa đơn đã lập sai và không phải lập lại hóa đơn."*

(ii) Bổ sung người bán **không bắt buộc** phải lập văn bản thỏa thuận trước khi điều chỉnh, thay thế hóa đơn điện tử đã lập sai, bao gồm: chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử; chuyển cơ sở dữ liệu thông tin chi tiết giao dịch theo Bảng thông tin chi tiết giao dịch; hoạt động mua bán hàng hóa trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác;

(iii) Bổ sung trường hợp hóa đơn điện tử đã lập sai là hóa đơn điện tử từ máy tính tiền hoặc hóa đơn điện tử bán hàng hóa là tài sản thuộc diện phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thì người bán lập hóa đơn **thay thế** cho hóa đơn đã lập sai;

(iv) Bổ sung cơ sở dữ liệu thông tin chi tiết giao dịch phát sinh gửi theo Bảng thông tin chi tiết giao dịch đã gửi cơ quan thuế bị thiếu hoặc sai thì gửi Bảng thông tin chi tiết giao dịch bổ sung;

(v) Bổ sung lập hóa đơn mới đối với số chênh lệch qua quyết toán phản ánh theo đúng nghiệp vụ kinh tế phát sinh đối với trường hợp: Điều chỉnh giá bán buôn điện giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam với các Tổng công ty Điện lực và giữa các Tổng công ty Điện lực với các Công ty Điện lực;

(vi) Bổ sung đối với phí bảo hiểm chưa thu được tiền mà đã lập hóa đơn, doanh nghiệp bảo hiểm căn cứ dữ liệu phí bảo hiểm chưa thu được tiền để lập hóa đơn điều chỉnh tổng hợp cho các khoản phí chưa thu được của tháng trước kèm theo bảng kê các số hóa đơn, số tiền và tiền thuế điều chỉnh;

(vii) Bổ sung trường hợp bán khí thiên nhiên tại thị trường Việt Nam được xác định giá ghi trên hợp đồng mua bán khí bằng đồng tiền ngoại tệ tự do chuyển đổi phù hợp với pháp luật liên quan và hợp đồng dầu khí, thanh toán và lập hóa đơn bằng đồng Việt Nam, khi bán khí đã lập hóa đơn điện tử không có sai sót nhưng khi thanh toán thực tế có sự thay đổi về giá trị do phải quy đổi ra Việt Nam đồng thì người bán thực hiện lập **hóa đơn điều chỉnh đối với phần chênh lệch**.

6. Biện pháp khuyến khích người mua lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ (Điều 13)

- Cơ quan thuế thực hiện các biện pháp khuyến khích người mua lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ để đảm bảo thu hút, lan tỏa, xây dựng thói quen lấy hóa đơn khi tiêu dùng;

- Tổ chức chương trình hóa đơn may mắn hàng tháng và cuối năm đối với những hóa đơn điện tử có người mua là người tiêu dùng để trao thưởng bằng tiền;

- Mức kinh phí thực hiện các biện pháp khuyến khích quy định tại khoản 2 Điều này không quá 150 tỷ đồng/năm;

- Cục trưởng Cục Thuế xây dựng phương án tổ chức, giá trị giải thưởng chương trình hóa đơn may mắn trên cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử và các biện pháp khuyến khích khác.

7. Mức khen thưởng, hình thức, trình tự, thủ tục, quản lý, sử dụng kinh phí khen thưởng người tiêu dùng tố giác hành vi không lập và không giao hóa đơn (Điều 14)

(i) Trình tự, thủ tục khen thưởng:

- Cơ quan thuế tiếp nhận thông tin người tiêu dùng cung cấp, phân loại để kiểm tra, xác minh;

- Cơ quan thuế ban hành Quyết định khen thưởng trên cơ sở hồ sơ tại điểm b khoản 1 Điều 14.

(ii) Cơ quan thuế các cấp có trách nhiệm xem xét, lập hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với các trường hợp thuộc phạm vi quản lý và **quyết định khen thưởng** trên cơ sở kết luận kiểm tra hoặc quyết định xử lý vi phạm hành chính về hóa đơn đã được ban hành;

(iii) Cục trưởng Cục Thuế có trách nhiệm hướng dẫn việc tổ chức tiếp nhận, xử lý thông tin do cá nhân cung cấp; xem xét, lập hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định; mức khen thưởng, quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, định mức; bảo đảm công khai, minh bạch trong việc chi khen thưởng.

8. Trình tự, thủ tục cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh (Điều 15)

(i) Bổ sung người nộp thuế thuộc trường hợp cấp hóa đơn bán tài sản công có mã của cơ quan thuế thì **không phải khai và nộp** số thuế phát sinh trên hóa đơn đề nghị cấp;

(ii) Sửa đổi quy định về địa điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh, cụ thể:

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có địa điểm kinh doanh cố định bao gồm cả kinh doanh thương mại điện tử có nhiều địa điểm kinh doanh (cửa hàng) hoạt động trên cùng địa bàn một tỉnh, thành phố hoặc khác tỉnh, thành phố thì nộp hồ sơ đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần

phát sinh **tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp trụ sở của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được xác định là địa điểm ghi trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh hoặc trên tờ khai đăng ký thuế đối với cá nhân kinh doanh;**

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không có địa điểm kinh doanh cố định: thì nộp hồ sơ đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh **tại cơ quan thuế quản lý địa bàn nơi hộ kinh doanh cư trú (nơi ở hiện tại, nơi tạm trú hoặc nơi thường trú).**

9. Xử lý chứng từ điện tử đã lập (Điều 20)

(i) Sai về *các nội dung trên chứng từ như tên, địa chỉ, số tiền bằng chữ hoặc các nội dung khác nhưng không sai về mã số thuế; sai về số tiền ghi trên chứng từ thì tổ chức lập chứng từ điện tử Mẫu số 04/SS-CTĐT thông báo cho bên nhận chứng từ điện tử về việc chứng từ đã lập sai và không phải lập lại chứng từ*;

(ii) Các trường hợp chứng từ điện tử đã lập sai khác ngoài các trường hợp nêu trên thì tổ chức lập chứng từ điện tử **thay thế** cho chứng từ điện tử đã lập sai.

10. Quy định chuyển tiếp (Điều 24)

Kể từ thời điểm tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 254/2026/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này:

- Trường hợp hóa đơn đã lập theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính mà hóa đơn đã lập sai thì người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ nội dung sai và lập hóa đơn điện tử mới (hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã) thay thế cho hóa đơn đã lập sai và cập nhật đầy đủ thông tin hóa đơn bị thay thế;

- Trường hợp hóa đơn đã lập theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP và Thông tư số 32/2025/TT-BTC thì thực hiện điều chỉnh hoặc thay thế theo quy định.

NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ, CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ

Trình bày: Phạm Thị Minh Hiền

Phó trưởng ban – Ban Chính sách, thuế quốc tế

1

CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH

LOGO

1. **Luật Quản lý thuế (Điều 26, 27, 52)**
2. **Nghị định số 254/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026**
3. **Thông tư số 91/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026**

Hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026

2

LOGO

I. Căn cứ pháp lý

- **Khoản 6 Điều 26 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15**

6. Chính phủ quy định các nội dung sau: loại hóa đơn điện tử; đối tượng sử dụng; nội dung, thời điểm lập hóa đơn điện tử; trường hợp không phải sử dụng hóa đơn điện tử; trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử được miễn phí dịch vụ; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử.

- **Khoản 4 Điều 27 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15**

4. Chính phủ quy định chi tiết các nội dung sau: loại chứng từ điện tử; nội dung, thời điểm lập chứng từ điện tử; phương thức lập chứng từ điện tử, văn bản hành chính thuế điện tử; kết nối, truyền dữ liệu chứng từ điện tử; trường hợp sử dụng được miễn phí dịch vụ; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng chứng từ điện tử.

- **Khoản 5 Điều 52 Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15**

3

LOGO

PHẦN I

NGHỊ ĐỊNH SỐ 254/2026/NĐ-CP NGÀY 30/6/2026

4

Kết cấu Nghị định

Gồm 05 Chương, 45 Điều

Chương I - Quy định chung (05 Điều, từ Điều 1 đến Điều 5)

Chương II - Quy định đối với hóa đơn điện tử ((16 Điều, từ Điều 6 đến Điều 21)

Chương III Quy định về chứng từ điện tử: (09 Điều, từ Điều 22 đến Điều 30)

Chương IV Xây dựng, tra cứu thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử (11 Điều, từ Điều 31 đến Điều 42) gồm 02 mục:

Mục 1: Xây dựng thông tin hóa đơn, chứng từ

Mục 2: Tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử

Chương V - Điều khoản thi hành (03 Điều, từ Điều 43 đến Điều 45)

Phụ lục kèm theo Nghị định quy định chi tiết: Nội dung của hóa đơn.

5

NỘI DUNG

- Các nội dung sửa đổi, bổ sung về hóa đơn điện tử
- Các nội dung sửa đổi, bổ sung về chứng từ điện tử
- Các nội dung sửa đổi, bổ sung về xây dựng, tra cứu thông tin hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử
- Khen thưởng người tiêu dùng tố giác người bán không lập và giao hóa đơn điện tử
- Xử lý chuyển tiếp

6

LOGO

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VỀ HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

7

LOGO

1. Giải thích từ ngữ (Điều 3)

- **Sửa đổi:** giải thích từ ngữ về Hóa đơn, chứng từ hợp pháp và Sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ

Nghị định số 254/2026/NĐ-CP	Nghị định số 70/2025/NĐ-CP
5. Hóa đơn, chứng từ hợp pháp là hóa đơn, chứng từ đảm bảo đúng về hình thức và nội dung theo quy định tại Nghị định này. 7.Sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ là việc sử dụng hóa đơn, chứng từ tẩy xóa, sửa chữa không đúng quy định; sử dụng hóa đơn, chứng từ khống (hoá đơn, chứng từ đã ghi các chỉ tiêu, nội dung nghiệp vụ kinh tế nhưng việc mua bán hàng hoá, dịch vụ không có thật một phần hoặc toàn bộ); sử dụng hóa đơn phản ánh không đúng giá trị thực tế phát sinh hoặc lập hóa đơn khống, lập hóa đơn giả; sử dụng hóa đơn có sự chênh lệch về giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc sai lệch các tiêu thức bắt buộc giữa các liên của hóa đơn (đối với hóa đơn giấy đã phát hành, sử dụng trong giai đoạn trước khi chuyển sang hóa đơn điện tử).	7. Hóa đơn, chứng từ hợp pháp là hóa đơn, chứng từ đảm bảo đúng, **đầy đủ** về hình thức và nội dung theo quy định tại Nghị định này. 9. Sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ là việc sử dụng: **Hóa đơn, chứng từ không ghi đầy đủ các nội dung bắt buộc theo quy định;** hóa đơn tẩy xóa, sửa chữa không đúng quy định; sử dụng hóa đơn, chứng từ khống (hoá đơn, chứng từ đã ghi các chỉ tiêu, nội dung nghiệp vụ kinh tế nhưng việc mua bán hàng hoá, dịch vụ không có thật một phần hoặc toàn bộ); sử dụng hóa đơn phản ánh không đúng giá trị thực tế phát sinh hoặc lập hóa đơn khống, lập hóa đơn giả; sử dụng hóa đơn có sự chênh lệch về giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc sai lệch các tiêu thức bắt buộc giữa các liên của hóa

8

1. Giải thích từ ngữ (Điều 3)

LOGO

Bỏ đối tượng liên quan đến in, tự in hóa đơn, chứng từ do Luật Quản lý thuế chỉ quy định về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử.

9

9

2. Đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 6)

LOGO

❑ **Đối tượng sử dụng hóa đơn không mã:**

Bổ sung: Doanh nghiệp kinh doanh ở lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, tài sản mã hóa, dịch vụ hỗ trợ giao dịch trên sàn giao dịch các-bon (*điểm b khoản 1*)

❑ Đối tượng sử dụng hóa đơn MTT

Bổ sung: Trường hợp tổ chức kinh tế, HKD, CNKD có hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng đã đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã hoặc không có mã theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này thì không bắt buộc đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử từ máy tính tiền;

10

2. Đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 6)

LOGO

❑ **Hóa đơn của HKD, CNKD:**

Bổ sung:

✓ HKD, CNKD có doanh thu năm trên 01 tỷ đồng hoặc **HKD, CNKD bán tài sản phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng** thì phải áp dụng hóa đơn điện tử có mã của CQT, hóa đơn điện tử khởi tạo từ MTT.

✓ HKD, CNKD không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử mà có nhu cầu sử dụng hóa đơn điện tử thì đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế.

11

2. Đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 6)

LOGO

❑ **Cấp hóa đơn có mã từng lần phát sinh:**

✓ **Sửa đổi:** Tổ chức không KD nhưng có phát sinh giao dịch bán HH, cung cấp DV **thuộc đối tượng chịu thuế theo quy định của PL thuế GTGT, thuế TNDN và các loại thuế khác (nếu có);**

✓ **Bổ sung:** Cấp hóa đơn bán tài sản công có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh trong trường hợp cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản công là người nộp thuế GTGT bị cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn.

✓ **Bỏ:** quy định cấp hóa đơn theo từng lần phát sinh đối với doanh nghiệp sau khi đã giải thể, phá sản, đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

12

2.Đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 6)

LOGO

- ❑ **Sử dụng hóa đơn trong 1 số trường hợp cụ thể:**
- ✓ **Bổ sung:**

(i) Cơ sở nhận uỷ thác xuất khẩu lập hóa đơn giá trị gia tăng điện tử hoặc hóa đơn bán hàng điện tử để thu phí ủy thác của cơ sở có hàng hóa ủy thác;

(ii) Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh phân chia doanh thu và có thỏa thuận cử một bên làm đại diện có trách nhiệm lập hóa đơn cho khách hàng thì các bên còn lại trong hợp đồng hợp tác kinh doanh lập hóa đơn cho bên đại diện phần doanh thu được chia cho từng bên theo hợp đồng;

(iii) Trường hợp các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh theo phân chia chi phí và có thỏa thuận cử một bên làm đại diện có trách nhiệm nhận hóa đơn của người bán thì bên đại diện nhận hóa đơn lập hóa đơn để phân chia phần chi phí cho các bên còn lại theo hợp đồng.

13

3.Trường hợp không phải sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 7)

LOGO

- ❑ **Bổ sung 01 Điều mới** quy định không phải sử dụng hóa đơn điện tử:
- ✓ HKD, CNKD bán hàng hóa, dịch vụ thuộc trường hợp lập Bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ theo quy định pháp luật về thuế TNDN, trừ trường hợp đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử;
- ✓ HKD, CNKD có thu nhập từ hoạt động cho thuê BĐS; thu nhập từ hoạt động cung cấp sản phẩm và DV nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài;
- ✓ HKD, CNKD làm đại lý XS, đại lý bảo hiểm, đại lý bán hàng đa cấp mà DN xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp đã khấu trừ thuế theo quy định pháp luật quản lý thuế.

14

3. Trường hợp không phải sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 7)

- ✓ Các khoản phí và các khoản thu khác phát sinh từ hoạt động tái bảo hiểm (bao gồm nhượng tái bảo hiểm, các khoản thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và các khoản thu khác về nhượng tái bảo hiểm), nhận tiền gửi, hoạt động tài chính (phát hành chứng chỉ tiền gửi, phát hành chứng khoán sơ cấp, phát hành giấy tờ có giá), bán nợ, giao dịch ngoại tệ và sản phẩm phái sinh;

Đối với giao dịch bán ngoại tệ, căn cứ hệ thống quản lý dữ liệu của đơn vị, cuối tháng đơn vị thực hiện lập bảng tổng hợp chi tiết từng giao dịch phát sinh trong tháng, chịu trách nhiệm về tính chính xác nội dung thông tin từng giao dịch và cung cấp bảng tổng hợp chi tiết giao dịch bán ngoại tệ khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

15

3. Trường hợp không phải sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 7)

- ✓ Máy móc, thiết bị cho mượn là tài sản cố định và công cụ, dụng cụ phục vụ gia công hàng hóa của bên cho mượn, không thu tiền, không chuyển quyền sở hữu;
- ✓ Các trường hợp theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế GTGT:
  - HH, DV tiếp tục quá trình SXKD
  - HHDV xuất hoặc cung cấp để sử dụng phục vụ SXKD
  - Các khoản thu không liên quan đến bán HH, cung cấp DV của CSKD

16

4. Thời điểm lập hóa đơn (Điều 9)

LOGO

- ❑ **Bổ sung** quy định trường hợp khi *thu tiền đặt cọc theo quy định Bộ luật Dân sự để đảm bảo thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ* thì không phải lập hóa đơn.
- ❑ **Bổ sung** thời điểm lập hóa đơn đối với một số trường hợp cụ thể (khoản 4):
- ✓ **Bổ sung** một số DV phát sinh thường xuyên cần thời gian đối soát dữ liệu thuộc các trường hợp lập hóa đơn chậm sau 07 ngày như: *DV hoa tiêu hàng hải, DV quảng cáo trên các trang báo điện tử, DV công nghệ số, nền tảng số, DV CNTT (bao gồm DV trung gian thanh toán sử dụng trên nền tảng viễn thông, công nghệ thông tin, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này) được bán theo kỳ nhất định; DV tài sản mã hóa, DV hỗ trợ giao dịch trên sàn giao dịch các-bon, DV bảo hiểm; DV bảo vệ, DV KD vận tải hành khách (bằng xe taxi, xe hợp đồng, xe mô tô hai bánh sử dụng phần mềm hỗ trợ kết nối vận tải theo pháp luật về đường bộ) cung cấp DV cho khách hàng là các doanh nghiệp, tổ chức.*

17

4. Thời điểm lập hóa đơn (Điều 9)

LOGO

- ✓ **Bổ sung** tại điểm b: *sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu cần đối soát dữ liệu* nhưng chậm nhất không quá 2 tháng kể từ tháng phát sinh.
- ✓ **Bổ sung** quy định tại điểm o: *Đối với hợp đồng đồng bảo hiểm: Khi thu phí bảo hiểm, từng doanh nghiệp đồng bảo hiểm lập hóa đơn cho khách hàng theo phí bảo hiểm nhận được. Trường hợp ủy quyền cho một doanh nghiệp thu hộ phí bảo hiểm thì doanh nghiệp thu hộ thực hiện lập hóa đơn cho khách hàng trên toàn bộ giá trị hợp đồng và doanh nghiệp nhờ thu hộ lập hóa đơn cho doanh nghiệp thu hộ đối với phí bảo hiểm được hưởng theo thỏa thuận của các bên. Khi mua hàng hóa, dịch vụ để bồi thường hoặc thanh toán các khoản chi khác liên quan đến hợp đồng đồng bảo hiểm, trường hợp một doanh nghiệp bảo hiểm được ủy quyền chi hộ thì doanh nghiệp chi hộ thực hiện lập hóa đơn khi thu đòi các doanh nghiệp bảo hiểm nhờ chi hộ;*

18

4. Thời điểm lập hóa đơn (Điều 9)

LOGO

✓ **Bổ sung** điểm r về việc lập Bảng thông chi tiết giao dịch đối với một số dịch vụ cung cấp cho **cá nhân là người tiêu dùng**: *DV ngân hàng; DV trung gian thanh toán; DV thông tin tín dụng; KD chứng khoán; giao dịch TS mã hóa; DV hỗ trợ giao dịch trên sàn giao dịch các-bon; KD bảo hiểm; DV chuyển tiền qua ví điện tử; DV ngừng, cấp điện trở lại; DV thương mại điện tử; DV bưu chính, vận chuyển trực tiếp phục vụ hoạt động TMĐT; DV vận tải hành khách công cộng bằng tàu điện, xe buýt; KD vận tải hành khách bằng xe taxi, xe hợp đồng, xe mô tô hai bánh; DV trông giữ xe; hoạt động chiếu phim và các DV khác, đáp ứng điều kiện có hệ thống phần mềm quản lý chi tiết từng giao dịch, có dữ liệu thu tiền được lưu trữ trên hệ thống theo từng giao dịch thì cơ sở dữ liệu thông tin chi tiết giao dịch phát sinh của doanh nghiệp được chuyển đến cơ quan thuế theo Bảng thông tin chi tiết giao dịch* theo mẫu số 01/TTGD Phụ lục III kèm theo Thông tư số 91/2026/TT-BTC.

19

4. Thời điểm lập hóa đơn (Điều 9)

LOGO

❑ **Bổ sung** quy định trường hợp *người bán không có phần mềm lập hóa đơn tự động có phát sinh giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong giờ làm việc ban đêm theo quy định của Bộ luật Lao động, thời điểm lập hóa đơn chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo.*

20

20

5. NỘI DUNG HÓA ĐƠN (Điều 10 và Phụ lục kèm theo Nghị định)

LOGO

❑ **Bổ sung** nội dung "Tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán":

✓ *HKD, CNKD thuộc đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử và sử dụng mã số thuế của HKD, CNKD cho tất cả các cửa hàng thì phải thể hiện rõ **tên, mã**, địa chỉ địa điểm kinh doanh trên hóa đơn; Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu thì phải thể hiện rõ mã, địa chỉ địa điểm kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp của từng địa điểm kinh doanh trên hóa đơn.*

✓ *Hóa đơn điện tử ủy nhiệm thì thể hiện tên, địa chỉ, mã số thuế của bên ủy nhiệm và tên, địa chỉ, mã số thuế của bên nhận ủy nhiệm.*

✓ *Bán đấu giá tài sản để thi hành án thì hóa đơn phải thể hiện tên, địa chỉ, mã số thuế của cơ quan được giao bán đấu giá tài sản và tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán.*

21

5. NỘI DUNG HÓA ĐƠN (Điều 10 và Phụ lục kèm theo Nghị định)

LOGO

❑ **Bổ sung** nội dung "Tên, địa chỉ, mã số thuế hoặc mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách hoặc số định danh cá nhân của người mua"

✓ *Trường hợp người mua là CSKD **(TCKT, HKD, CNKD)** có MST thì tên, địa chỉ, MST của người mua thể hiện trên hóa đơn phải ghi theo đúng tại giấy chứng nhận*

✓ *Người mua là NTD cung cấp tên, địa chỉ, số định danh cá nhân thì trên hóa đơn phải thể hiện tên, địa chỉ, số định danh cá nhân (đối với người mua là người nước ngoài cung cấp thông tin để lập hóa đơn thì thông tin về địa chỉ, số định danh cá nhân có thể được thay thế bằng thông tin về số hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh và quốc tịch của khách hàng); **trường hợp người mua không cung cấp tên, địa chỉ, số định danh cá nhân thì trên hóa đơn thể hiện rõ "Bán cho người tiêu dùng"***

✓ *Hóa đơn không có thông tin người mua hoặc hóa đơn xuất cho NTD → không có giá trị để TCKT, CQ, tổ chức khác, HKD, CNKD sử dụng vào mục đích hạch toán chi phí hoặc quyết toán thuế theo quy định pháp luật về thuế.*

22

5. NỘI DUNG HÓA ĐƠN (Điều 10 và Phụ lục kèm theo Nghị định)

LOGO

Bổ sung nội dung "Tên, đơn vị tính, số lượng, đơn giá hàng hóa, dịch vụ":

*Tên hàng hóa, dịch vụ: Trên hóa đơn phải thể hiện tên hàng hóa, dịch vụ **được giao dịch bằng tiếng Việt phù hợp với quy định pháp luật**.*

*Trường hợp pháp luật có quy định về **định danh hàng hóa, dịch vụ** thì người bán thể hiện tên hàng hóa, dịch vụ trên hóa đơn theo quy định pháp luật về định danh hàng hóa, dịch vụ*

Trường hợp người bán ô tô, xe máy lập hóa đơn điện tử có đủ các thông tin sau: Họ và tên người mua; số định danh cá nhân hoặc mã số thuế (đối với tổ chức); nhãn hiệu, loại xe, năm sản xuất; số khung, số máy; số Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với xe nhập khẩu) hoặc số Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước) là căn cứ để cơ quan thuế xác định và thông báo số tiền lệ phí trước bạ phải nộp;

23

5. NỘI DUNG HÓA ĐƠN (Điều 10 và Phụ lục kèm theo Nghị định)

LOGO

Sửa đổi quy định việc thể hiện biển kiểm số trên hóa đơn đối với dịch vụ vận tải đường bộ trong nước và đối với dịch vụ vận tải được thuê theo tuyến cố định thì không cần thể hiện biển số phương tiện.

Nghị định số 254/2026/NĐ-CP	Nghị định 70/2025/NĐ-CP
Trường hợp kinh doanh dịch vụ vận tải đường bộ trong nước thì trên hoá đơn phải thể hiện biển số phương tiện vận tải, hành trình (điểm đi - điểm đến). Đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa trên nền tảng số, hoạt động thương mại điện tử thì phải thể hiện tên hàng hóa vận chuyển, thông tin tên, địa chỉ, mã số thuế hoặc số định danh cá nhân của người gửi hàng. *Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vận tải, cho thuê xe có ký hợp đồng với đối tác theo tuyến cố định thì trên hóa đơn không cần thể hiện biển số phương tiện vận tải, hành trình (điểm đi - điểm đến).*	Trường hợp kinh doanh dịch vụ vận tải thì trên hoá đơn phải thể hiện biển kiểm soát phương tiện vận tải, hành trình (điểm đi - điểm đến). Đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa trên nền tảng số, hoạt động thương mại điện tử thì phải thể hiện tên hàng hóa vận chuyển, thông tin tên, địa chỉ, mã số thuế hoặc số định danh người gửi hàng.

24

5. NỘI DUNG HÓA ĐƠN (Điều 10 và Phụ lục kèm theo Nghị định)

LOGO

- **Bổ sung** quy định "Chữ ký của người bán, chữ ký của người mua": Trường hợp là nhà cung cấp ở nước ngoài là chữ ký điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
- **Bổ sung** quy định: *Đối với hóa đơn bán hàng của HKD, CNKD, **khuyến khích** người bán thể hiện thông tin nhóm ngành nghề tương ứng với hàng hóa, dịch vụ trên dữ liệu hóa đơn điện tử theo định dạng XML gửi cơ quan thuế. Trường hợp HHDV thuộc[25] đối tượng không chịu thuế thì thể hiện tương ứng trên hóa đơn. Thông tin nhóm ngành nghề (nếu có) được hiển thị trên bản thể hiện hóa đơn điện tử."*

25

6. Xử lý sự cố (Điều 14)

LOGO

Sửa đổi trường hợp sự cố từ hệ thống cấp mã của cơ quan thuế: *Cục Thuế có trách nhiệm: kích hoạt hệ thống dự phòng để bảo đảm hoạt động cấp mã; thông báo công khai trên Trang thông tin điện tử của Cục Thuế.*

Nghị định số 254/2026/NĐ-CP	Nghị định 123/2020/NĐ-CP
Trường hợp hệ thống cấp mã hóa đơn điện tử của cơ quan thuế gặp sự cố kỹ thuật dẫn đến gián đoạn việc cấp mã, Cục Thuế có trách nhiệm: kích hoạt hệ thống dự phòng để bảo đảm hoạt động cấp mã; thông báo công khai trên Trang thông tin điện tử của Cục Thuế về phạm vi ảnh hưởng, thời điểm bắt đầu và dự kiến thời gian khắc phục; trường hợp cần thiết, ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử đủ điều kiện thực hiện cấp mã theo quy định.	Trường hợp trong thời gian chưa khắc phục được sự cố của cơ quan thuế thì cơ quan thuế có giải pháp bán hóa đơn do cơ quan thuế đặt in cho một số tổ chức, cá nhân để sử dụng. Sau khi hệ thống cấp mã của cơ quan thuế được khắc phục, cơ quan thuế thông báo để các tổ chức, cá nhân tiếp tục sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ thời hạn ghi trên thông báo của cơ quan thuế, tổ chức, cá nhân gửi báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn giấy đã mua của cơ quan thuế theo Mẫu số BC26/HĐG Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này

26

6. Xử lý sự cố (Điều 14)

LOGO

- ❑ **Bổ sung** quy định trong trường hợp bất khả kháng theo quy định tại khoản 21 Điều 4 Luật Quản lý thuế hoặc rủi ro không thuộc nguyên nhân, trách nhiệm chủ quan của người bán mà người bán hoặc CQT không thể thực hiện việc lập, cấp mã hoặc truyền dữ liệu hóa đơm điện tử đúng hạn:

- ✓ *Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày sự cố được khắc phục, người bán được thực hiện việc lập và gửi hóa đơn điện tử tới cơ quan thuế;*

- ✓ *Người bán có trách nhiệm ghi chép sổ sách kế toán về giao dịch mua bán, lưu giữ tài liệu chứng minh trường hợp bất khả kháng theo quy định.*

- ✓ *Việc lập, gửi hóa đơn, chuyển dữ liệu hóa đơn quá thời hạn do các nguyên nhân trên được xác định là trường hợp bất khả kháng theo quy định pháp luật về QLT*

27

7.Trách nhiệm của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ (Điều 15, Điều 16)

LOGO

- ❑ **Trách nhiệm của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế (Điều 15)**

Bổ sung quy định chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đến cơ quan thuế cuối ngày.

- ❑ **Trách nhiệm của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế (Điều 16)**

Bổ sung quy định về phương thức chuyển cơ sở dữ liệu thông tin chi tiết giao dịch phát sinh theo Bảng thông tin chi tiết giao dịch theo quy định tại điểm r khoản 4 Điều 9 Nghị định này về một số dịch vụ cung cấp cho người tiêu dùng theo thời hạn nộp TK thuế GTGT

28

8. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ (Điều 17)

- **Bổ sung** quyền của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ được *yêu cầu chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số cung cấp thông tin người mua, thông tin liên quan đến giao dịch, thời điểm giao hàng và xác nhận trạng trái hoàn tất đơn hàng trên hệ thống để người bán lập hóa đơn điện tử theo quy định đối với trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ qua nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số.*

29

9. Quyền và trách nhiệm của người mua HHDV (Điều 18)

Bổ sung quyền của người mua *được tham gia các chương trình khuyến khích sử dụng hóa đơn do người bán là DN hoặc CQT tổ chức*

Bổ sung: *hóa đơn do người mua yêu cầu và nhận từ người bán là cơ sở để xác định nghĩa vụ thuế của người bán đối với ngân sách nhà nước góp phần nâng cao tính minh bạch của nền kinh tế và hiệu quả quản lý thuế.*

30

10. Trách nhiệm của tổ chức được ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử (Điều 19)

Bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức được ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử, trong đó có *trách nhiệm của chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số trong việc cung cấp thông tin về người mua, thông tin giao dịch và thời điểm giao hàng và xác nhận trạng trái hoàn tất đơn hàng trên hệ thống để người bán lập hóa đơn điện tử theo quy định đối với trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ qua nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số*

31

11. Trách nhiệm của CQT (Điều 21)

LOGO

- **Bổ sung:** Trách nhiệm CQT quản lý trực tiếp "*d) Quản lý dữ liệu tem điện tử, thời hạn lưu trữ thực hiện theo quy định*"
- CQT, CQ QLNN có liên quan và tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ có trách nhiệm thực hiện *các biện pháp tuyên truyền, hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi để người tiêu dùng thực hiện quyền và trách nhiệm về hóa đơn*

32

LOGO

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VỀ CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ

33

1. Thời điểm lập chứng từ (Điều 24)

LOGO

- **Bổ sung** trường hợp **không phải** lập chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân: *Thu nhập của nhà đầu tư cá nhân phát sinh từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán, đầu tư vốn, chuyển nhượng tài sản mã hóa, chuyển nhượng vàng miếng, thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại, thu nhập từ trúng thưởng, thừa kế, quà tặng trong trường hợp khoản thu nhập này đã được tổ chức chi trả hoặc tổ chức khấu trừ thuế thực hiện khấu trừ và nộp thuế thu nhập cá nhân tại nguồn*

34

2. Phương thức lập chứng từ điện tử (Điều 26)

LOGO

❑ **Bổ sung 01 Điều mới:** Phương thức lập chứng từ điện tử

✓ *Chứng từ điện tử được lập trực tiếp trên Hệ thống thông tin quản lý thuế hoặc thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ hoặc trên phần mềm chứng từ điện tử của đơn vị;*

✓ *Việc lập chứng từ điện tử phải bảo đảm phản ánh đầy đủ, trung thực nội dung giao dịch phát sinh; đồng thời tuân thủ quy định của PL về giao dịch điện tử, PL về kế toán và PL về thuế, phí và lệ phí, bảo đảm tính hợp pháp, minh bạch và khả năng kiểm soát trong QLNN*

35

3. Kết nối, truyền dữ liệu chứng từ điện tử (Điều 27)

LOGO

❑ **Bổ sung 01 Điều mới:** Kết nối chuyển dữ liệu chứng từ điện tử

✓ *Tổ chức thu thuế, phí, lệ phí, tổ chức có trách nhiệm khấu trừ thuế, tổ chức được ủy nhiệm lập biên lai, tổ chức cung cấp dịch vụ về chứng từ điện tử thực hiện kết nối, truyền và tiếp nhận dữ liệu chứng từ điện tử với cơ quan quản lý thuế thông qua hệ thống thông tin quản lý thuế hoặc hệ thống trung gian theo quy định*

✓ *Việc kết nối, truyền và tiếp nhận dữ liệu chứng từ điện tử phải bảo đảm: (1) An toàn thông tin, bảo mật dữ liệu theo quy định của pháp luật; (2) Tính toàn vẹn, đầy đủ, chính xác của dữ liệu trong quá trình truyền, nhận và lưu trữ; (3) Khả năng truy xuất, đối chiếu dữ liệu khi cơ quan quản lý thuế yêu cầu.*

36

3. Kết nối, truyền dữ liệu chứng từ điện tử (Điều 27)

LOGO

✓ *Trường hợp hệ thống thông tin điện tử gặp sự cố kỹ thuật dẫn đến việc không thể kết nối, truyền dữ liệu đúng thời hạn, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thuế và thực hiện truyền dữ liệu trong vòng 03 ngày làm việc sau khi sự cố được khắc phục.*

37

37

4. Trường hợp sử dụng được miễn phí dịch vụ chứng từ điện tử (Điều 28)

LOGO

❑ **Bổ sung** 02 nhóm đối tượng được miễn phí dịch vụ chứng từ điện tử gồm:

✓ *HKD, CNKD có sử dụng dưới 10 NLĐ và không thuộc trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử;*

✓ *HKD, CNKD thuộc trường hợp sử dụng miễn phí hóa đơn điện tử quy định tại Điều 11*

38

38

5. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng chứng từ điện tử (Điều 29)

Sửa đổi quy định chuyển dữ liệu biên lai điện tử theo Bảng tổng hợp dữ liệu thay vì báo cáo tình hình sử dụng biên lai

Nghị định số 254/2026/NĐ-CP	Nghị định số 70/2025/NĐ-CP
b) Tổ chức thu thuế, phí, lệ phí điện tử, tổ chức nhận ủy nhiệm lập biên lai sau khi lập đầy đủ các nội dung trên biên lai điện tử gửi cho người nộp các khoản thuế, phí, lệ phí gửi cho CQT theo **bảng tổng hợp dữ liệu biên lai điện tử** theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính **trong ngày** lập biên lai (trừ phí hải quan; lệ phí hàng hoá, hành lý, phương tiện vận tải quá cảnh) theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.	b) Tổ chức thu thuế, phí, lệ phí gửi báo cáo tình hình sử dụng biên lai theo Mẫu số BC26/BLĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này để gửi cơ quan quản lý thuế cùng với thời gian gửi Tờ khai phí, lệ phí (trừ phí hải quan; lệ phí hàng hoá, hành lý, phương tiện vận tải quá cảnh) theo quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

39

LOGO

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VỀ XÂY DỰNG, TRA CỨU, THÔNG TIN HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ, CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ

40

1. Đối tượng cung cấp thông tin, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử (Điều 36)

- **Bổ sung** quy định bên sử dụng thông tin hóa đơn điện tử bao gồm *Các tổ chức được ủy quyền của tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật dân sự.*

41

41

2. Hình thức khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử trên Hệ thống thông tin quản lý thuế (Điều 37)

- **Bổ sung** đối tượng sử dụng thông tin bao gồm bên nhận ủy nhiệm lập hóa đơn
- **Bổ sung** hình thức tra cứu thông tin bao gồm trường hợp sử dụng thông tin theo hình thức cung cấp dịch vụ truy vấn trực tiếp với Hệ thống thông tin quản lý thuế phải đảm bảo các tiêu chí như đối với tổ chức cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử.

42

42

LOGO

KHEN THƯỞNG NGƯỜI TIÊU DÙNG TỐ GIÁC NGƯỜI BÁN HÀNG KHÔNG LẬP VÀ GIAO HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

43

Khen thưởng người tiêu dùng tố giác người bán không lập và giao hóa đơn điện tử (Điều 41)

LOGO

- **Bổ sung Điều mới** được giao tại Luật QLT nhằm tăng cường tính tuân thủ pháp luật về hóa đơn, nâng cao vai trò giám sát của xã hội và góp phần phòng, chống thất thu ngân sách nhà nước và giao Bộ Tài chính quy định mức khen thưởng, hình thức, trình tự, thủ tục khen thưởng, quản lý, sử dụng kinh phí.
- **Điều kiện NTD được xem xét khen thưởng**:

✓ Cung cấp thông tin trung thực, chính xác, kịp thời; có căn cứ xác định thời gian, địa điểm và người thực hiện hành vi vi phạm;

✓ Nội dung thông tin phản ánh đúng thực tế phát sinh, đủ cơ sở để cơ quan thuế xác định tính chất, mức độ vi phạm và thực hiện kiểm tra, xác minh;

✓ Trên cơ sở thông tin phản ánh, cung cấp, cơ quan thuế đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn theo quy định của pháp luật về QLT

44

Khen thưởng người tiêu dùng tố giác người bán không lập và giao hóa đơn điện tử (Điều 41)

❑ **Thông tin tố giác bao gồm:**

✓ *Thông tin về người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ (tên, địa chỉ hoặc mã số thuế) và một trong các thông tin sau*:

- Thông tin về giao dịch hàng hóa, dịch vụ;

- Thông tin về hành vi không lập hóa đơn và không giao hóa đơn;

- Tài liệu, chứng cứ có liên quan đến giao dịch phát sinh hành vi vi phạm của người bán (nếu có);

✓ *Thông tin liên hệ của người tiêu dùng tố giác, gồm: tên, số điện thoại, số định danh cá nhân.*

45

Khen thưởng người tiêu dùng tố giác người bán không lập và giao hóa đơn điện tử (Điều 41)

❑ **Các hình thức để người tiêu dùng thực hiện tố giác:**

✓ Qua hệ thống hóa đơn điện tử hoặc Hệ thống thông tin quản lý thuế (như eTax Mobile);

✓ Qua Cổng Dịch vụ công quốc gia;

✓ Qua thư điện tử chính thức hoặc hệ thống tiếp nhận thông tin điện tử của cơ quan thuế;

✓ Gửi trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế hoặc bằng văn bản theo quy định.

46

Khen thưởng người tiêu dùng tố giác người bán không lập và giao hóa đơn điện tử (Điều 41)

LOGO

- **Nguyên tắc xác định khen thưởng:**
  - ✓ Trên cơ sở kết quả xác minh, xử lý của CQT và quyết định xử phạt vi phạm HC về thuế, hóa đơn theo quy định của pháp luật về quản lý thuế;
  - ✓ Bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đồng thời bảo mật thông tin người cung cấp theo quy định;
  - ✓ Mỗi vụ việc chỉ được xem xét khen thưởng một lần. Trường hợp có nhiều người cùng cung cấp thông tin về một hành vi vi phạm thì việc khen thưởng được xem xét đối với người cung cấp thông tin đầu tiên hoặc người có thông tin đầy đủ, có giá trị nhất theo xác nhận của cơ quan thuế

47

Khen thưởng người tiêu dùng tố giác người bán không lập và giao hóa đơn điện tử (Điều 41)

LOGO

- Mức chi khen thưởng người tiêu dùng cung cấp thông tin phản ánh hành vi không lập và giao hóa đơn của 01 vụ việc không quá 10% số tiền xử phạt vi phạm hành chính, tối đa 10.000.000 đồng/01 vụ việc.
- Mức khen thưởng, hình thức, trình tự, thủ tục khen thưởng, quản lý, sử dụng kinh phí quy định tại Thông tư số 91/2026/TT-BTC.

48

LOGO

E-invoicing

XỬ LÝ CHUYỂN TIẾP

49

XỬ LÝ CHUYỂN TIẾP (Điều 44)

LOGO

- Việc quản lý, sử dụng hóa đơn bán hàng dự trữ quốc gia khi bán hàng dự trữ quốc gia (hóa đơn bằng giấy) thực hiện theo quy định pháp luật về bán hàng dự trữ quốc gia. Trường hợp Bộ Tài chính có thông báo chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử bán hàng dự trữ quốc gia thì các đơn vị thực hiện chuyển đổi theo quy định. Khi chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng dự trữ quốc gia, hóa đơn bán hàng dự trữ quốc gia (hóa đơn bằng giấy) chưa sử dụng hết phải thực hiện tiêu hủy theo quy định tại Thông tư số 91/2026/TT-BTC.

50

Xử lý chuyển tiếp (Điều 44)

LOGO

- Biên lai giấy theo hình thức tự in, đặt in theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP chưa sử dụng hết được tiếp tục sử dụng cho đến hết ngày 31/12/2026. Từ ngày 01/01/2027, toàn bộ biên lai giấy chưa sử dụng phải thực hiện tiêu hủy theo trình tự, thủ tục tại Thông tư số 91/2026/TT-BTC. Tổ chức sử dụng biên lai giấy phải thực hiện chuyển đổi để áp dụng biên lai điện tử theo định dạng chuẩn dữ liệu.

51

Xử lý chuyển tiếp (Điều 44)

LOGO

- **Kể từ ngày 01/7/2026, hóa đơn đặt in của cơ quan thuế hết giá trị sử dụng**. Cơ quan thuế, doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn đặt in của cơ quan thuế chưa sử dụng hết phải thực hiện tiêu hủy hóa đơn đặt in của cơ quan thuế theo trình tự, thủ tục tại Thông tư số 91/2026/TT-BTC.

52

LOGO

PHẦN II

THÔNG TƯ SỐ 91/2026/TT-BTC NGÀY 30/6/2026

53

53

LOGO

Kết cấu Thông tư

Gồm 05 Chương, 25 Điều và 05 Phụ lục

Chương I - Quy định chung (02 Điều, từ Điều 1 và Điều 2)

Chương II - Quy định đối với hóa đơn điện tử (13 Điều từ Điều 3 đến Điều 15)

Chương III - Quy định về chứng từ điện tử (05 Điều từ Điều 16 đến Điều 20)

Chương IV - Tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử (03 Điều từ Điều 21 đến Điều 23)

Chương V - Điều khoản thi hành (02 Điều, Điều 24 và Điều 25)

54

1. Đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 6)

LOGO

- **Sửa đổi** quy định về *trường hợp có thay đổi các thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử trừ trường hợp ngừng, tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử thì* ***thực hiện sinh trắc học***

Thông tư số 91/2026/TT-BTC	Nghị định số 70/2025/NĐ-CP
a) Tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện **thay đổi thông tin** theo Mẫu số 01/ĐKTĐ-HĐĐT Phụ lục III kèm theo Thông tư này qua Hệ thống thông tin quản lý thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử. Trình tự thủ tục thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;	a) Trường hợp người nộp thuế thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử do thay đổi thông tin về người đại diện theo pháp luật; đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, thành viên góp vốn, chủ sở hữu thì trình tự thủ tục thực hiện theo quy định tại khoản 1a Điều này.

55

1. Đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 6)

LOGO

- **Sửa đổi** thời hạn từ **02 ngày lên 03 ngày làm việc** đối với NNT thực hiện giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu trong trường hợp cơ quan thuế ban hành thông báo yêu cầu giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu.

56

2. Tiêu chí xác định người nộp thuế có rủi ro cao trong đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 7)

Sửa đổi tiêu chí 3: *NNT đăng ký địa chỉ trụ sở chính không có địa chỉ cụ thể theo địa giới hành chính hoặc tại căn hộ chung cư (không bao gồm căn hộ hoặc phần diện tích của nhà chung cư được phép sử dụng cho mục đích kinh doanh theo quy định của pháp luật), trừ trường hợp cá nhân kinh doanh.*

57

3. Các trường hợp ngừng, tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 8)

- **Bổ sung** trường hợp *HKD, CNKD đã được cấp MST trước ngày 01/7/2025 nhưng thông tin đăng ký thuế của đại diện HKD, CNKD không khớp đúng với thông tin của cá nhân được lưu trữ trong CSDL quốc gia về dân cư hoặc không đầy đủ thì CQT yêu cầu HKD, CNKD bổ sung thông tin trong thời hạn **10 ngày làm việc**. Sau thời hạn này, nếu HKD, CNKD chưa thực hiện, CQT thực hiện tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh*

58

3. Các trường hợp ngừng, tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 8)

LOGO

(ii) **Bổ sung** trường hợp người nộp thuế đã giải trình hoặc bổ sung thông tin tài liệu theo Thông báo lần 2 mà không chứng minh được việc sử dụng hóa đơn điện tử theo đúng quy định pháp luật thì cơ quan thuế ban hành thông báo về việc ngừng sử dụng hóa đơn;

(iii) **Bổ sung** quy định cơ quan thuế gửi thông báo ngừng, tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử cho người nộp thuế và bên nhận ủy nhiệm lập hóa đơn trong trường hợp người nộp thuế thuộc trường hợp ngừng, tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử. Quy định này nhằm đảm bảo tổ chức nhận ủy nhiệm có cơ sở để ngừng lập hóa đơn thay người bán ngay tại thời điểm người bán bị ngừng sử dụng hóa đơn.

59

4. Ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử (Điều 9)

LOGO

- **Bổ sung** quy định *HKD, CNKD được ủy nhiệm cho bên thứ ba là tổ chức kinh tế để lập hóa đơn điện tử bao gồm cả tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử, hoặc tổ chức khác*
- **Bổ sung** quy định *HKD, CNKD có trách nhiệm cung cấp thông tin cho bên nhận uỷ nhiệm, bao gồm: tên, địa chỉ, MST và thuộc đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 6 NĐ trong trường hợp HKD, CNKD ủy nhiệm cho TCKT lập hóa đơn điện tử*
- **Bổ sung** quy định *TCKT thực hiện thông báo **danh sách** HKD, CNKD ủy nhiệm với cơ quan thuế theo Mẫu số 01/ĐKTĐ-HĐĐT Phụ lục III kèm theo Thông tư này.*

60

5. Xử lý hóa đơn điện tử đã lập (Điều 10)

LOGO

Sửa đổi: *trường hợp sai về các nội dung trên hóa đơn như tên, địa chỉ, **số tiền bằng chữ hoặc các nội dung khác nhưng không sai về: mã số thuế, số tiền ghi trên hóa đơn, thuế suất, tiền thuế hoặc hàng hóa ghi trên hóa đơn** thì người bán thông báo cho người mua về việc hóa đơn đã lập sai và **không phải lập lại hóa đơn**.*

Thông tư số 91/2026/TT-BTC	Nghị định số 70/2025/NĐ-CP
Trường hợp sai về các nội dung trên hóa đơn như tên, địa chỉ, **số tiền bằng chữ hoặc các nội dung khác nhưng không sai về: mã số thuế, số tiền ghi trên hóa đơn, thuế suất, tiền thuế hoặc hàng hóa ghi trên hóa đơn** thì người bán thông báo cho người mua về việc hóa đơn đã lập sai và không phải lập lại hóa đơn. Người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế về hóa đơn điện tử đã lập sai theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT Phụ lục III kèm theo	Trường hợp có sai về tên, địa chỉ của người mua nhưng không sai mã số thuế, các nội dung khác không sai thì người bán thông báo cho người mua về việc hóa đơn đã lập sai và không phải lập lại hóa đơn.

61

5. Xử lý hóa đơn điện tử đã lập (Điều 10)

LOGO

- **Bổ sung:** Người bán **không bắt buộc** phải lập VB thỏa thuận trong các trường hợp: *chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử; chuyển cơ sở dữ liệu thông tin chi tiết giao dịch theo Bảng thông tin chi tiết giao dịch; hoạt động mua bán hàng hóa trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác.*
- **Bổ sung:** Trường hợp hóa đơn điện tử đã lập sai là *hóa đơn điện tử từ máy tính tiền hoặc hóa đơn điện tử bán hàng hóa là tài sản thuộc diện phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thì người bán lập hóa đơn **thay thế** cho hóa đơn đã lập sai .*

62

5. Xử lý hóa đơn điện tử đã lập (Điều 10)

LOGO

- **Bổ sung:** CSDL thông tin chi tiết giao dịch phát sinh gửi theo Bảng thông tin chi tiết giao dịch đã gửi CQT bị thiếu hoặc sai → gửi Bảng thông tin chi tiết giao dịch bổ sung
- **Bổ sung:** Lập hóa đơn mới đối với số chênh lệch qua quyết toán phản ánh theo đúng nghiệp vụ kinh tế phát sinh đối với trường hợp: *Điều chỉnh giá bán buôn điện giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam với các Tổng công ty Điện lực và giữa các Tổng công ty Điện lực với các Công ty Điện lực.*
- **Bổ sung:** Đ/v phí BH chưa thu được tiền mà đã lập hóa đơn, DNBH căn cứ dữ liệu phí BH chưa thu được tiền để lập hóa đơn điều chỉnh tổng hợp cho các khoản phí chưa thu được của tháng trước kèm theo bảng kê các số hóa đơn, số tiền và tiền thuế điều chỉnh

63

5. Xử lý hóa đơn điện tử đã lập (Điều 10)

LOGO

- **Bổ sung:** Trường hợp bán khí thiên nhiên tại thị trường Việt Nam được xác định giá ghi trên hợp đồng mua bán khí bằng đồng ngoại tệ tự do chuyển đổi phù hợp pháp luật liên quan và hợp đồng dầu khí, thanh toán và lập hóa đơn bằng đồng Việt Nam, khi bán khí đã lập hóa đơn điện tử không có sai sót nhưng khi thanh toán thực tế có sự thay đổi về giá trị do phải quy đổi ra VN đồng → người bán lập hóa đơn **điều chỉnh đối với phần chênh lệch**

64

6. Biện pháp khuyến khích người mua lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ (Điều 13)

- ❑ CQT thực hiện các biện pháp khuyến khích người mua lấy hóa đơn khi mua HHDV để đảm bảo thu hút, lan tỏa, xây dựng thói quen lấy hóa đơn khi tiêu dùng.
- ❑ Tổ chức Chương trình hóa đơn may mắn hàng tháng và cuối năm đối với những hóa đơn điện tử có người mua là người tiêu dùng để trao thưởng bằng tiền
- ❑ Mức kinh phí thực hiện các biện pháp khuyến khích không quá 150 tỷ đồng/năm.
- ❑ Cục trưởng Cục Thuế xây dựng phương án tổ chức, giá trị giải thưởng chương trình hóa đơn may mắn trên cơ sở dữ liệu về hóa đơn điện tử và các biện pháp khuyến khích khác.

65

6. Mức khen thưởng, hình thức, trình tự, thủ tục, quản lý, sử dụng kinh phí khen thưởng (Điều 14)

- ❑ **Trình tự thủ tục khen thưởng:**
- ✓ CQT tiếp nhận thông tin NTĐ cung cấp, phân loại để kiểm tra, xác minh
- ✓ CQT ban hành QĐ khen thưởng trên cơ sở hồ sơ
- ❑ **CQT các cấp có trách nhiệm xem xét, lập hồ sơ** đề nghị khen thưởng đối với các trường hợp thuộc phạm vi quản lý và **quyết định khen thưởng** trên cơ sở kết luận kiểm tra hoặc quyết định xử lý vi phạm hành chính về hóa đơn đã được ban hành.
- ❑ Cục trưởng Cục Thuế có trách nhiệm hướng dẫn việc tổ chức tiếp nhận, xử lý thông tin do cá nhân cung cấp; xem xét, lập hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định; mức khen thưởng, quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ, định mức; bảo đảm công khai, minh bạch trong việc chi khen thưởng.

66

7. Trình tự, thủ tục cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh (Điều 15)

❑ **Bổ sung:** NNT thuộc trường hợp được cấp hóa đơn bán tài sản công có mã của cơ quan thuế thì **không phải khai và nộp** số thuế phát sinh trên hóa đơn đề nghị cấp;

❑ **Sửa đổi** quy định về địa điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh, cụ thể:

✓ HKD, CNKD có địa điểm kinh doanh cố định bao gồm cả kinh doanh thương mại điện tử có nhiều địa điểm kinh doanh (cửa hàng) hoạt động trên cùng địa bàn một tỉnh, thành phố hoặc khác tỉnh, thành phố thì nộp hồ sơ đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh ***tại CQT quản lý trực tiếp trụ sở của HKD, CNKD được xác định là địa điểm ghi trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hộ kinh doanh hoặc trên tờ khai đăng ký thuế đối với cá nhân kinh doanh***

67

7. Trình tự, thủ tục cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh (Điều 15)

✓ HKD, CNKD không có địa điểm kinh doanh cố định: nộp hồ sơ đề nghị cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh ***tại cơ quan thuế quản lý địa bàn nơi hộ kinh doanh cư trú (nơi ở hiện tại, nơi tạm trú hoặc nơi thường trú)***

68

9. Xử lý chứng từ điện tử đã lập (Điều 20)

LOGO

- Sai về các nội dung trên chứng từ như tên, địa chỉ, số tiền bằng chữ hoặc các nội dung khác nhưng không sai về mã số thuế, số tiền ghi trên chứng từ → tổ chức lập chứng từ điện tử mẫu 04/SS-CTĐT thông báo cho bên nhận chứng từ điện tử về việc chứng từ đã lập sai và không phải lập lại chứng từ.
- Các trường hợp chứng từ điện tử đã lập sai khác ngoài các trường hợp nêu trên → lập chứng từ điện tử **thay thế** cho chứng từ điện tử đã lập sai

69

10. Quy định chuyển tiếp (Điều 24)

LOGO

- Kể từ thời điểm tổ chức kinh tế, tổ chức khác, HKD, CNKD sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 254/2026/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này:

✓ Trường hợp hóa đơn đã lập theo quy định tại NĐ 51/2010/NĐ-CP, NĐ04/2014/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính mà lập sai thì người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ nội dung sai và lập hóa đơn điện tử mới (hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã) thay thế cho hóa đơn đã lập sai và cập nhật đầy đủ thông tin hóa đơn bị thay thế;

✓ Trường hợp hóa đơn đã lập theo NĐ 123/2020/NĐ-CP, NĐ 70/2025/NĐ-CP và TT 32/2025/TT-BTC thì thực hiện điều chỉnh hoặc thay thế theo quy định.

70

LOGO

THUẾ NHÀ NƯỚC

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

71